

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2018

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Huỳnh Duy Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2018/TLST-HN ngày 25 tháng 6 năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1976; địa chỉ: số 328, tổ A, khóm H, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ H, khóm M, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết H trình bày: Chị H và anh Phạm Văn Th tự tìm hiểu, quen biết, tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị H và anh Th phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2017 do anh Th chỉ lo ăn chơi, nhậu nhẹt, cờ bạc, không lo cho gia đình. Thậm chí anh Th còn có thái độ chửi mắng và rượt đánh chị H. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nên mâu thuẫn càng trầm

trọng nên chị H đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Trong thời gian sống chung, chị H và anh Th có 02 con chung Phạm Phi Hùng, sinh năm 2000 và Phạm Phi Phong, sinh năm 2004. Chị H có yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn Th thống nhất với trình bày của chị H về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Giữa anh và chị H chung sống với nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Long xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp với nhau, thường xuyên cãi vã nên chị H có yêu cầu ly hôn anh Th đồng ý. Về con chung tùy theo nguyện vọng của con, tài sản chung và nợ chung không có.

Do chị H và anh Th không có đăng ký kết hôn nên Tòa án chỉ tiến hành hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Chị Trần Thị Tuyết H và anh Phạm Văn Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh Th tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và đã ly thân hơn 01 năm nay. Quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Th là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị không công nhận chị H và anh Th là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Phạm Phi Hùng (đã trưởng thành) và Phạm Phi Phong, sinh năm 2004 hiện do chị H nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu muốn chung sống với chị. Do đó, đề hạn chế sự ảnh

hưởng của việc cha mẹ ly hôn và nhằm ổn định cuộc sống của con nên việc chị H yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng là chính đáng và có cơ sở. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2004, đề nghị chấp yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Th đồng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Trần Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn Th. Đồng thời, anh Th cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Chị Trần Thị Tuyết H và anh Phạm Văn Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Trần Thị Tuyết H và anh Phạm Văn Th đồng thống nhất trình bày chị H và anh Dũng tự chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo kết quả xác minh ngày 24/7/2018 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xác định: “Qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn lưu tại phường Vĩnh Mỹ từ năm 1999 thì không có tên ông Phạm Văn Th, SN 1979 và bà Trần Thị Tuyết H, SN 1976”.

Từ căn cứ trên có cơ sở xác định, chị H và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Th.

[2] Về con chung: chị Trần Thị Tuyết H và anh Phạm Văn Th đồng thống nhất trong thời gian chung sống giữa chị H và anh Th có 02 con chung tên Phạm Phi Hùng, sinh năm 2000; Phạm Phi Phong, sinh năm năm 2014.

Đối với con chung Phạm Phi Hùng đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề cập đến.

Đối với con chung Phạm Phi Phong: Theo lời khai ngày 26/7/2018, Phong có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, anh Th cũng có ý kiến tùy theo nguyện vọng của

con. Xét thấy, việc chị H có yêu cầu nuôi dạy con chung, anh Th cũng đồng ý theo nguyện vọng của con, đồng thời cũng phù hợp với ý kiến của Phạm Phi Phong được sống cùng với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao Phạm Phi Phong cho chị H tiếp tục nuôi dạy theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồng không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Tuyết H và anh Phạm Văn Th đồng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp. Anh Phạm Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Tuyết H và anh Phạm Văn Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết H được tiếp tục nuôi dạy con chung Phạm Phi Phong, sinh năm 2004. Anh Phạm Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007399 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Trần Thị Tuyết H và anh Phạm Văn Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc